LIUGONG

Động cơ	Cummins B5.9-C
Công suất định mức	133 kW (178 hp / 181 ps) @ 2,000 rpm
Công suất hữu ích	125 kW (168 hp / 170 ps) @ 2,000 rpm
Chiều sâu đào tối đa	6,925 mm
Dung tích gầu tiêu chuẩn	1.2 m^3
Trọng lượng vận hành	25,500-28,200 kg

925E

MÁY XÚC ĐÀO

TOUGH WORLD. TOUGH EQUIPMENT.

TỐI ĐA HÓA ĐẦU TƯ CỦA BẠN

LiuGong thiết kế hướng đến người dùng, kỹ thuật tập trung vào chất lượng, kiến tạo giá trị bền vững, mang lại lợi nhuận cho khách hàng.

CÔNG SUẤT TIN CẬY

Công suất mạnh mẽ dẫn động bởi động cơ Cummins B5.9-C Tier 2/Stage II.

IPC (ĐIỀU KHIỂN CÔNG SUẤT THÔNG MINH)

IPC đảm bảo các hệ thống cơ khí, điện và thủy lực phối hợp hài hòa để điều khiển công suất một cách hiệu quả và chính xác. Tối đa hóa đầu ra mô men xoắn với công suất và lực kéo mạnh mẽ hơn.

CHỨC NĂNG TỐC ĐỘ KHÔNG TẢI TỰ ĐỘNG

Phát hiện các tín hiệu thủy lực, tăng và giảm tốc độ động cơ theo yêu cầu. Chỉ cung cấp công suất khi cần thiết để đạt được hiệu quả sử dụng nhiên liệu tối ưu.

LINH HOẠT

Các tùy chọn cho đường ống thủy lực phụ trợ hai chiều đa dạng, gồm các đường ống dòng thủy lực cao, một đường ống bổ sung cho các bộ phận quay và một đường ống tác động đơn. Khớp nối nhanh giúp việc chuyển đổi các phụ kiện kèm theo trở nên dễ dàng và đáp ứng nhiều điều kiện làm việc khác nhau.

CẦN VÀ TAY CẦN

Kết cấu cần và tay cần được thế kế để chống lại ứng suất uốn, ứng suất xoắn và có độ bền cao hơn. Tấm đỡ cắt ngang lớn kết hợp thép đúc liền khối giúp tăng độ bền, cùng các tấm chắn bảo vệ va đập với đá và các tấm chắn dọc bảo vệ tay cần khi làm việc trong điều kiện sỏi đá.

KHUNG GẦM

Khung gầm bền bỉ, tuổi thọ sử dụng cao nhờ kết cấu khung hàn chữ X chắc chắn và hệ thống dầm xích, bánh xích dài.

CAMERA LÙI

Hoạt động như một mắt phụ bên ngoài máy, camera quan sát phía sau sẽ gửi hình ảnh đến màn hình LCD màu trong cabin, tạo môi trường làm việc an toàn hơn cho người vận hành yên tâm và tập trung làm việc.

PHỤ TÙNG

Sử dụng các phụ tùng LiuGong chính hãng là chìa khóa để tối ưu hóa chi phí cho khách hàng và đảm bảo máy luôn ở điều kiện hoạt động tốt nhất. Mạng lưới hỗ trợ rộng khắp của chúng tôi luôn sẵn sàng khi khách hàng cần, đồng hành để mang đến lợi nhuận tối đa cho khách hàng.

DỊCH VỤ HẬU MÃI

Là khách hàng của LiuGong, bạn có thể yên tâm rằng các đại lý và văn phòng khu vực của chúng tôi sẽ có mặt ở đó để hỗ trợ đào tạo, cung cấp các dịch vụ và bảo trì cần thiết trong suốt vòng đời của máy.

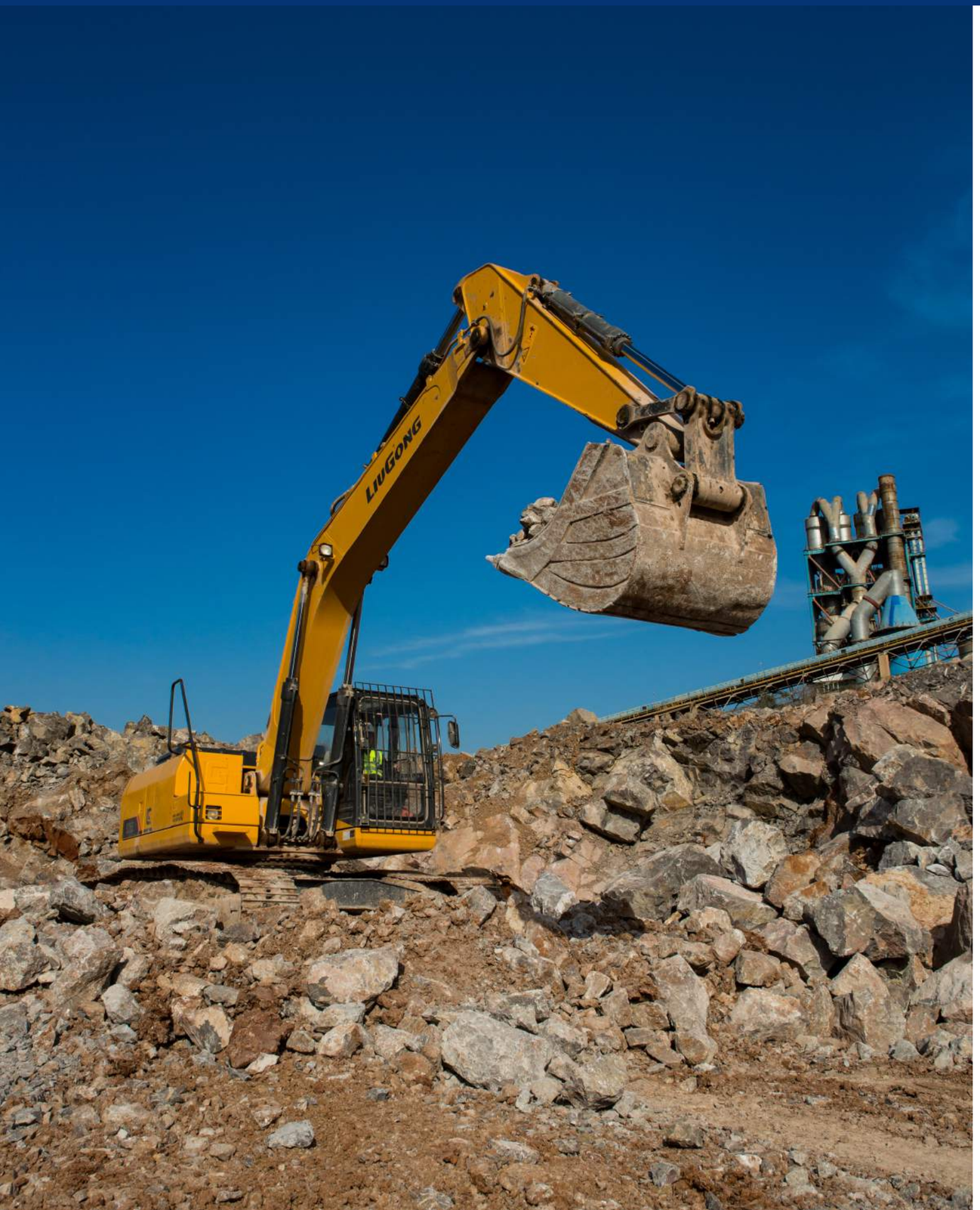

HIỆU QUẢ, CHÍNH XÁC & LINH HOẠT

Máy xúc đào LiuGong dòng E mang lại sự cân bằng hoàn hảo về hiệu suất, chất lượng và độ chính xác. 925E Tier 2/Stage II trang bị động cơ Cummins B5.9-C thế hệ mới nhất với lượng phát thải thấp, công suất đầu ra đã được cải tiến, lực đào cải thiện và thời gian chu kỳ nhanh hơn.

ĐỘNG CƠ MẠNH MẼ

Động cơ Cummins đáp ứng các tiêu chuẩn khí thải EPA Tier 2/EU Stage II, với khả năng tiết kiệm nhiên liệu tối đa mà không ảnh hưởng đến công suất.

Động cơ B5.9-C sử dụng hệ thống EGR làm mát đã được kiểm chứng, bổ sung thêm turbo tăng áp Cummins được cấp bằng sáng chế, giúp điều chỉnh chính xác luồng không khí phân phối đến động cơ để tăng hiệu suất và nâng cao khả năng tiết kiệm nhiên liệu.

HỆ THỐNG THỦY LỰC TIÊN TIẾN

Trong hệ thống thủy lực tiên tiến của máy xúc LiuGong, dòng thủy lực điều khiển âm sẽ tối ưu hóa van điều khiển chính, từ đó tối đa hóa thời gian chu kỳ của các xi lanh, cải thiện hiệu suất và tỷ lệ hoàn thành công việc.

Hệ thống thủy lực truyền công suất động cơ xuống mặt đất hiệu quả, cho độ chính xác cao và khả năng kiểm soát rộng.

ĐIỀU KHIỂN CÔNG SUẤT THÔNG MINH

Hệ thống điều khiển công suất thông minh (IPC) tiên tiến của LiuGong cung cấp công suất cần thiết và chỉ khi người dùng cần đến nó, đảm bảo vận hành mạnh mẽ mà không lãng phí nhiên liệu.

Hệ thống IPC có sự hỗ trợ của máy tính thế hệ mới, tận dụng sự kết hợp hài hòa của các hệ thống cơ khí, điện và thủy lực để đạt độ chính xác và điều khiển hiệu quả. Khi phụ tải làm việc tăng, công suất của động cơ và dòng chảy từ bơm thủy lực sẽ phản hồi và đáp ứng yêu cầu của công việc.

Sáu chế độ làm việc tùy chọn của LiuGong cho phép bạn toàn quyền kiểm soát máy và nâng cao hiệu suất trong các điều kiện hoạt động khác nhau:

CÁC CHỨC NĂNG TỰ ĐỘNG HÓA

Khả năng điều khiển tốc độ không tải giúp tiết kiệm tối đa nhiên liệu. Nếu trong 1 giây không phát hiện thấy tín hiệu yêu cầu thủy lực từ cần điều khiển, tốc độ động cơ sẽ tự động giảm 100 rpm. Nếu quá 3 giây không phát hiện hoạt động nào thì tốc độ động cơ sẽ giảm xuống chế độ không tải. Ngay khi hệ thống phát hiện tín hiệu thủy lực một lần nữa, động cơ sẽ lập tức khôi phục cài đặt tốc độ ga trước đó.

Hệ thống làm nóng tự động nhanh chóng đưa động cơ đến nhiệt độ vận hành, cải thiện hơn nữa mức tiêu thụ nhiên liệu, giảm lượng khí thải và tối đa hóa thời gian hoạt động.

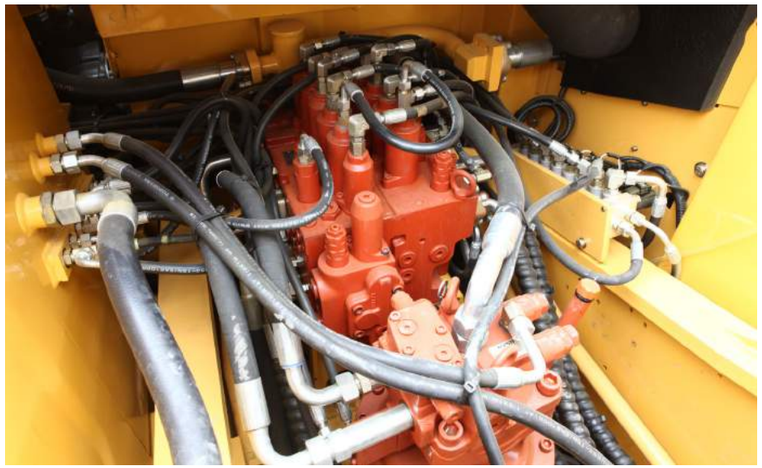

THIẾT KẾ ĐỂ LÀM NHIỀU VIỆC HƠN

Xúc đào 925E được thiết kế để hoàn thành khối lượng công việc nhiều hơn trong khoảng thời gian ít hơn. Cấu tạo gồm cần, tay cần và gầu khỏe hơn, lưu lượng thủy lực tối ưu hơn, tốc độ quay nhanh hơn góp phần cải thiện thời gian làm việc của 1 chu kỳ, mạnh mẽ trong mọi nhiệm vụ ở bất kể địa hình nào.

HIỆU SUẤT MẠNH MẼ

Động cơ Cummins B5.9-C có công suất làm việc cao. LiuGong đã tận dụng nó cho sáu chế độ làm việc của xúc đào. Kết hợp hài hòa các chế độ làm việc này với công việc thực tế, ngay cả những người vận hành ít kinh nghiệm nhất cũng nhận thấy họ có thể làm việc nhanh hơn và hoàn thành khối lượng công việc nhiều hơn trong khoảng thời gian ngắn hơn.

HỆ THỐNG THỦY LỰC TỐI ƯU HÓA

Là kết hợp của sức mạnh và sự thông minh. Dòng thủy lực âm điều khiển công suất của động cơ sao cho lưu lượng bơm thủy lực được điều chỉnh liên tục để vận hành trơn tru, nhanh chóng và hiệu quả. Công suất động cơ và lưu lượng bơm thủy lực được thiết lập lại tự động để điều chỉnh cho phù hợp với phụ tải, giúp tối đa hóa hiệu suất của máy.

CẢI TIẾN THIẾT KẾ

Cấu trúc chắc chắn và đáng tin cậy của 925E giúp tăng độ bền, giảm hao mòn và cải thiện khả năng truyền lực tới bộ truyền động mặt đất.

CHUYỂN ĐỔI PHỤ KIỆN NHANH CHÓNG

Khớp nối nhanh LiuGong và khớp nối nghiêng Power Latch khiến cho việc thay đổi các phụ kiện như gầu, búa và lưỡi cắt trở nên nhanh chóng và đơn giản hơn bao giờ hết, tối ưu hóa thời gian làm việc của bạn.

MÔI TRƯỜNG THÂN THIỆN VỚI NGƯỜI VẬN HÀNH

Các nút điều khiển được thiết kế công thái học, màn hình hiển thị rõ ràng, nhiều thông tin, cải thiện tầm nhìn và sự thoải mái vượt trội, tăng hiệu quả làm việc và sự an toàn cho người vận hành. Các điểm cần bảo trì bảo dưỡng thường xuyên dễ tiếp cận khác giúp việc kiểm tra hàng ngày trở nên nhanh chóng và hiệu quả.

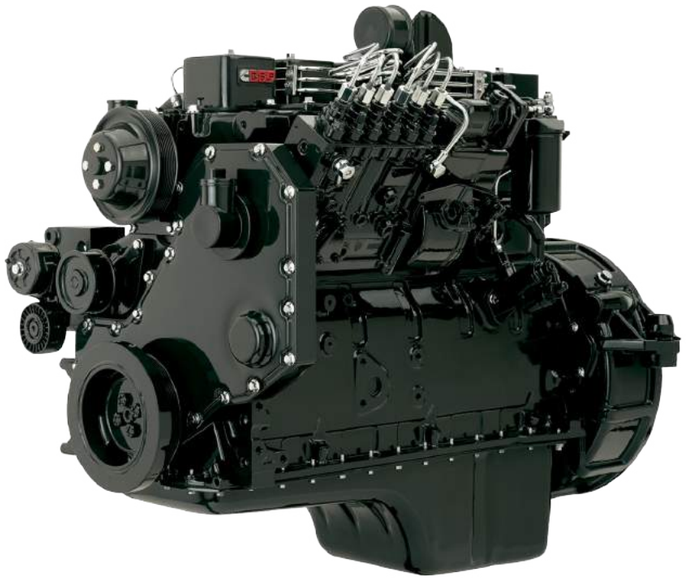

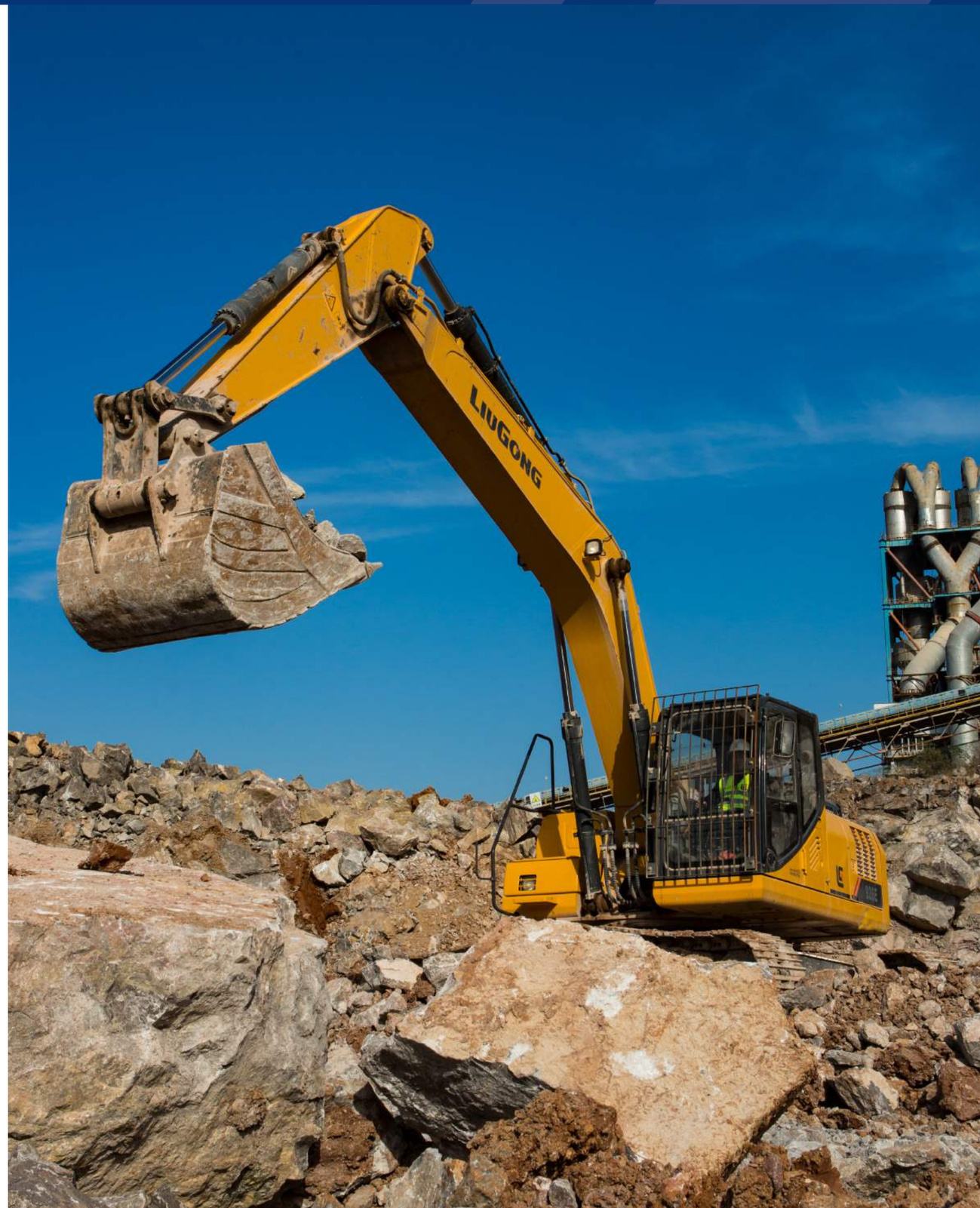

KẾT CẤU VỮNG CHẮC, BỀN BỈ

Các kết cấu của máy xúc LiuGong dòng E trở nên vững chắc và bền bỉ nhờ sử dụng các bộ phận cấu tạo từ thép chịu lực dày, vách ngăn bên trong và các tấm giảm ứng suất có khả năng chịu lực cao.

Chúng tôi đảm bảo chất lượng và độ tin cậy của máy móc trong suốt quá trình sản xuất thông qua các thử nghiệm nghiêm ngặt và kiểm tra bằng sóng siêu âm để phát hiện khuyết tật trước khi đưa vào sản xuất.

CẦN & TAY CẦN

Kết cấu cần và tay cần được thế kế với tấm đỡ cắt ngang lớn kết hợp thép đúc liền khối, tăng độ bền và khả năng chống lại ứng suất uốn và xoắn cao. Tấm chắn bảo vệ va đập với đá và các tấm chắn dọc bảo vệ tay cần khi làm việc trong điều kiện sỏi đá và môi trường khắc nghiệt.

KHUNG GẦM

Khung gầm có độ bền cao của 920E/922E/925E kết hợp với kết cấu khung chữ X hàn nối được thiết kế để thực hiện các nhiệm vụ khó khăn nhất.

Hệ thống dầm xích và bánh xích dài tăng sự ổn định khi sử dụng cùng các phụ kiện đào và tải. Tạo nên sức mạnh và độ bền vượt trội.

CẤU TRÚC PHÍA TRÊN

Cấu trúc trên được gia cố chắc chắn bằng dầm chữ H ở tấm cắt ngang của kết cấu chính giúp phân bổ trọng lượng đều và tăng độ ổn định.

Hệ thống bảo vệ chống va đập được hàn đúng vị trí để tăng cường sức mạnh, độ cứng và tuổi thọ cho toàn bộ máy.

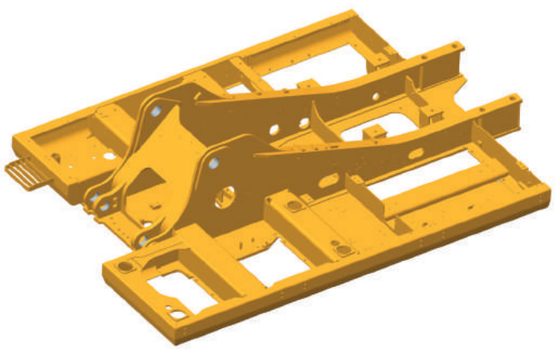

AN TOÀN TUYỆT ĐỐI

Trong cam kết của LiuGong với khách hàng có cam kết bình đẳng về sự an toàn của bạn. Máy xúc dòng E được trang bị cabin chắc chắn với các tính năng an toàn nhất, giúp bạn yên tâm và tập trung làm việc.

TIÊU CHUẨN AN TOÀN

Tất cả các máy xúc đào LiuGong dòng E đều được trang bị cabin ROPS (Cấu trúc bảo vệ chống lật) chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn ISO. LiuGong cung cấp FOPS (Cấu trúc bảo vệ chống vật rơi) dưới dạng thiết bị tùy chọn cho tất cả các máy xúc đào dòng E.

TẦM NHÌN RỘNG

Cabin dòng E của LiuGong có diện tích bề mặt kính lớn hơn 7% so với cabin dòng D. Camera quan sát phía sau đáp ứng tiêu chuẩn cho người vận hành nhìn được toàn cảnh, kết hợp với đèn LED tùy chọn, cung cấp tầm nhìn rõ ràng hơn khi làm việc tại hiện trường.

LỐI VÀO AN TOÀN

Lan can bảo vệ và băng chống trượt được bố trí hợp lý ở phần trên của máy giúp quá trình bảo dưỡng máy trở nên dễ dàng và an toàn hơn.

THOẢI MÁI TIỆN NGHI

Trong cabin, người vận hành làm việc hoàn toàn thoải mái với tầm nhìn bao quát xung quanh. Chúng tôi hiểu điều người vận hành muốn về môi trường làm việc và đã thiết kế buồng lái để mang lại cho họ sự thoải mái tối đa và đạt năng suất cao nhất.

NGÔI NHÀ THU NHỎ TRONG CABIN

Cabin dòng E được chứng nhận ROPS ISO 12117-2, gắn silicone để hấp thụ tiếng ồn và giảm chấn. Cửa cabin rộng rãi, độ mở tối đa đến vị trí khóa. Kính chắn gió phía trước trượt lên trần, cửa sổ bên dưới có thể tháo rời, tấm chống nắng cửa sổ trời lớn.

KIỂM SOÁT NHIỆT ĐỘ

Cabin điều áp, hệ thống kiểm soát nhiệt độ tiên tiến và khả năng làm tan sương mù trên kính chắn gió phía trước cho phép vận hành thoải mái quanh năm dưới nhiều điều kiện môi trường khác nhau. Không khí trong cabin tuần hoàn qua 10 cửa xả giúp cải thiện khả năng lưu thông không khí.

GHẾ ĐIỀU CHỈNH VÀ BÀN ĐIỀU KHIỂN CẦN

Ghế ngồi điều chỉnh được, bảng điều khiển cần di chuyển độc lập để phù hợp với người vận hành. Tăng khoảng cách giữa tay vịn ghế và 9 lựa chọn điều chỉnh ghế khác nhau cho phép người vận hành có nhiều lựa chọn hơn, tạo sự thoải mái tối đa cho chân và tay khi làm việc.

KIỂM TRA & BẢO DƯỠNG HÀNG NGÀY THUẬN TIỆN

Máy xúc đào LiuGong đặc biệt thiết kế để việc bảo trì và bảo dưỡng hàng ngày trở nên dễ dàng ngay cả ở những nơi làm việc xa xôi và khắc nghiệt nhất.

DỊCH VỤ THIẾT THỰC

Thiết kế thông minh và hiệu quả giúp dịch vụ và bảo trì trở nên nhanh chóng và đơn giản – đây là tin mừng cho người vận hành làm việc ở những nơi có điều kiện khó khăn nhất trên thế giới.

Tay vịn được trang bị theo tiêu chuẩn 925E, cho phép tiếp cận cấu trúc phía trên một cách an toàn và dễ dàng, vì thế quá trình bảo dưỡng động cơ và thực hiện dịch vụ cũng trở nên dễ dàng hơn.

GIÁM SÁT TRÊN MÁY

Với tính năng giám sát tích hợp trên máy, người vận hành có khả năng kiểm tra các tín hiệu của máy mà không cần rời khỏi chỗ ngồi. Ngoài ra, thông qua màn hình LCD người vận hành có thể dễ dàng kiểm tra nhiệt độ và mức áp suất của dầu, nhận cảnh báo về khoảng thời gian bảo dưỡng và truy cập các thông tin khác, hỗ trợ quá trình bảo trì và dịch vụ sau bán hàng.

DỄ DÀNG TIẾP CẬN CÁC ĐIỂM BẢO TRÌ GIÚP VIỆC KIỂM TRA HÀNG NGÀY TRỞ NÊN NHANH CHÓNG VÀ HIỆU QUẢ

- Thước đo dầu thủy lực dễ nhìn
- Các bộ lọc dễ tiếp cận
- Bộ lọc A/C cạnh cửa cabin dễ dàng thay thế
- Bộ lọc gió không cần bảo trì

NƠI BẠN CẦN CÓ CHÚNG TÔI

LiuGong cam kết cung cấp thiết bị bền bỉ kết hợp với dịch vụ đáng tin cậy cho khách hàng trên toàn cầu.

MẠNG LƯỚI RỘNG KHẮP TOÀN CẦU

Chúng tôi cung cấp dịch vụ hỗ trợ tại chỗ thông qua mạng lưới đại lý rộng khắp tại hơn 130 quốc gia. Các đại lý và khách hàng của chúng tôi được hỗ trợ bởi 12 công ty con trong khu vực và 9 trung tâm phụ tùng toàn cầu, tất cả đều được hỗ trợ đào tạo, cung cấp phụ tùng và dịch vụ chuyên nghiệp.

TƯ VẤN CHUYÊN NGHIỆP

Bất kể công việc là gì, chúng tôi có thể giúp bạn lựa chọn máy phù hợp với thông số kỹ thuật, các thiết bị tùy chọn và phụ tùng đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Chúng tôi cam kết thời gian hoạt động tối đa và chi phí sở hữu thiết bị thấp nhất đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận của bạn.

THỎA THUẬN DỊCH VỤ

Tại LiuGong, chúng tôi cung cấp các thỏa thuận về dịch vụ để hỗ trợ nhu cầu kinh doanh và giúp khách hàng kiểm soát mọi chi phí của mình.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

TRỌNG LƯỢNG VẬN HÀNH	25,500-28,200 kg

Trọng lượng vận hành bao gồm nước làm mát, dầu bôi trơn, thùng đầy nhiên liệu, cabin, bản xích tiêu chuẩn, cần, tay cần, gầu và người vận hành 75kg.

DUNG TÍCH GẦU	0.58 - 1.2 m³

ĐỘNG CƠ

Mô tả

Động cơ Cummins EPA Tier 2 / EU Stage II, 6 xi lanh, turbo tăng áp, điều khiển cơ khí, kim phun trực tiếp.
Bộ lọc không khí Cummins.
Hệ thống làm mát: Bộ làm mát khí nạp.

Tiêu chuẩn khí thải	EPA Tier 2 / EU Stage II	
Nhà sản xuất	Cummins	
Model	B5.9-C	
Kiểu nạp khí	Turbo tăng áp (WGT)	
Bộ làm mát khí nạp	Làm mát sau	
Quạt làm mát	Trực tiếp	
Xi lanh	5.9 L	
Tốc độ quay định mức	2,000 rpm	
Công suất động cơ - thực tế (SAE J1349 / ISO 9249)	125 kW hp / 170 ps)	(168
Công suất động cơ - định mức (SAE J1995 / ISO 14396)	133 kW hp / 181 ps)	(178
Mô men xoắn cực đại	708 N·m @1,200 rpm	
Đường kính × Hành trình	102 × 120 mm	

KHUNG GẦM

Số guốc xích mỗi bên	51
Bước xích	190 mm
Bề rộng guốc xích, lá xích	600/700/800/900 mm
Số con lăn tỳ mỗi bên	9
Số con lăn đỡ mỗi bên	2

HỆ THỐNG QUAY TOA

Mô tả

Bộ giảm tốc bánh răng hành tinh được điều khiển bởi mô tơ piston dọc trục có mô-men xoắn cao, phanh đĩa dầu. Hệ thống phanh quay toa sẽ thiết lập lại trong vòng năm giây sau khi điều khiển lái quay toa trở về trạng thái trung gian.

Tốc độ quay toa	12 rpm
Mô men xoắn quay	80,800 N·m

HỆ THỐNG THỦY LỰC

Bơm chính	
Loại	Hai bơm piston có lưu lượng thay đổi
Lưu lượng tối đa	2 × 240 L/min
Bơm điều khiển	
Loại	Bơm bánh răng
Lưu lượng tối đa	19 L/min
Cài đặt van xả	
Cần, tay cần và gầu	34.3/37.3 MPa
Hệ thống di chuyển	34.3 MPa
Hệ thống quay toa	25.5 MPa
Hệ thống điều khiển	3.9 MPa
Xi lanh thủy lực	
Xi lanh cần – Đường kính × Hành	Φ130 × 1,350 mm
Xi lanh tay cần – Đường kính × Hành	Φ145 × 1,635 mm
Xi lanh gầu – Đường kính × Hành trình	Φ130 × 1,075 mm

HỆ THỐNG ĐIỆN

Điện áp hệ thống	24 V
Ắc quy	2 x 12 V
Mô tơ phát điện	24 V - 70 A
Mô tơ khởi động	24 V - 7.5 kW

DUNG TÍCH HỆ THỐNG

Thùng nhiên liệu	470 L
Dầu động cơ	25 L
Truyền động cuối (mỗi bên)	5.5 L
Truyền động quay toa	4.4 L
Hệ thống làm mát	30 L
Thùng dầu thủy lực	210 L
Hệ thống thủy lực tổng	330 L

ÂM THANH

Mức áp suất âm thanh bên trong (ISO 6396)	74 dB(A)
Mức áp suất âm thanh bên ngoài (ISO 6395)	104 dB(A)

HỆ THỐNG PHANH & LÁI

Mô tả

Hệ thống phanh điều khiển bằng động cơ piston dọc trục hai tốc độ và phanh đĩa dầu. Hệ thống lái điều khiển bằng hai cần điều khiển và bàn đạp.

Tốc độ di chuyển tối đa	Cao: 5.8 km/h Thấp: 3.5 km/h
Khả năng leo dốc	35°/70%
Lực kéo tối đa	229 kN

Thiết bị tiêu chuẩn và tùy chọn của LiuGong có thể khác nhau giữa các khu vực. Vui lòng tham khảo ý kiến từ đại lý LiuGong tại khu vực của bạn để biết thông tin chi tiết.

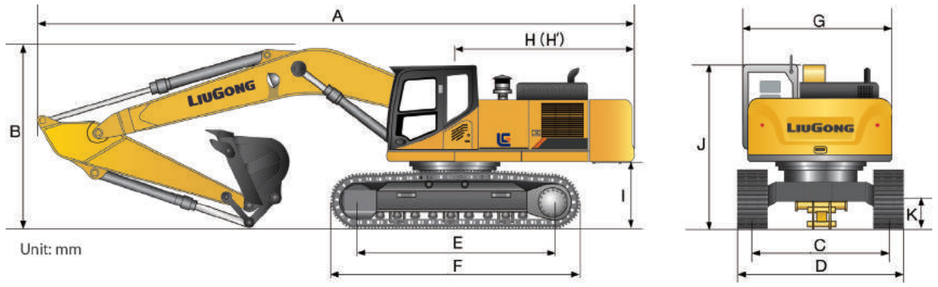

KÍCH THƯỚC			
Cần	6,000 mm	6,000 mm	8,500 mm
Các loại tay cần	2,980 mm / 2,400 mm	2,980 mm / 2,400 mm	6,400 mm
A Chiều dài tổng thể	10,220 mm / 10,200 mm	10,220 mm / 10,200 mm	12,540 mm
B Chiều cao tổng thể – Từ đỉnh cần	3,480 mm	3,480 mm	3,100 mm
C Chiều rộng tâm xích	2,590 mm	2,390 mm	2,590 mm
D Chiều rộng gầm – với 600 mm xích	2,800 mm	2,800 mm	-
700 mm xích	3,290 mm	3,090 mm	-
800 mm xích	3,390 mm	3,190 mm	3,390 mm
900 mm xích	3,490 mm	3,290 mm	3,490 mm
E Chiều dài đến tâm con lăn	3,840 mm	3,650 mm	3,840 mm
F Chiều dài xích chạy	4,635 mm	4,445 mm	4,635 mm
G Chiều rộng tổng thể của phần cấu trúc trên	2,760 mm	2,760 mm	2,760 mm
H Bán kính quay đuôi xe	3,100 mm	3,100 mm	3,010 mm
I Khoảng sáng gầm (đối trọng)	1,055 mm	1,055 mm	1,055 mm
J Chiều cao tổng thể - Từ đỉnh cabin	3,050 mm	3,050 mm	3,050 mm
K Khoảng sáng gầm tối thiểu	440 mm	440 mm	440 mm
L Bề rộng xích	600 mm	600 mm	800 mm

KÍCH THƯỚC CẦN		
Cần	6,000 mm	8,500 mm
Chiều dài	6,210 mm	8,710 mm
Chiều cao	1,690 mm	1,580 mm
Chiều rộng	726 mm	726 mm
Trọng lượng	2,450 kg	2,880 kg

Đã bao gồm xi lanh, đường ống và chốt.
Không bao gồm chốt xi lanh tay cần.

KÍCH THƯỚC TAY CẦN			
Tay cần	2,980 mm	2,400 mm	6,400 mm
Chiều dài	4,060 mm	3,490 mm	7,460 mm
Chiều cao	885 mm	895 mm	850 mm
Chiều rộng	408 mm	408 mm	366 mm
Trọng lượng	1,240 kg	1,140 kg	1,400 kg

Không bao gồm xi lanh, các đầu nối và chốt.

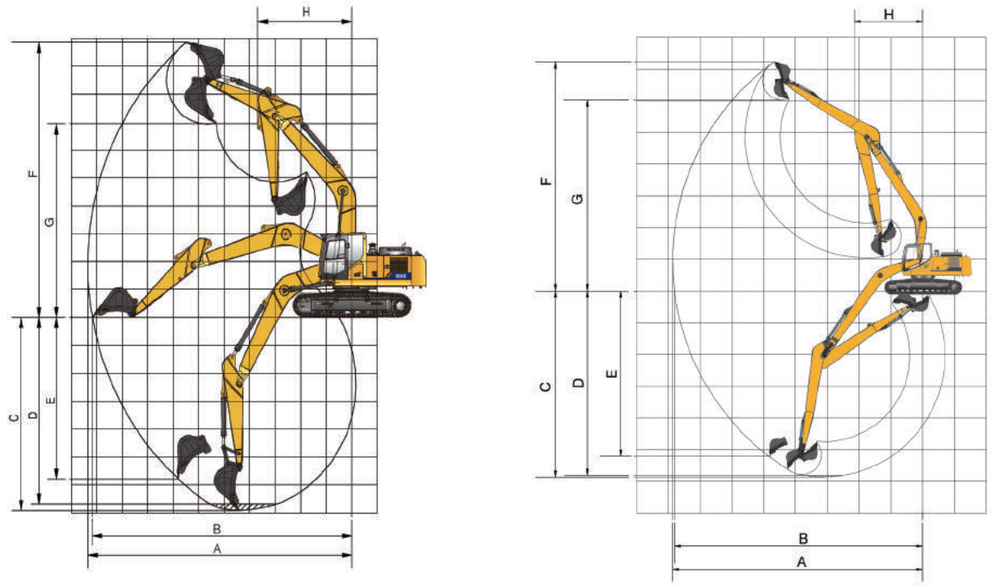

KÍCH THƯỚC				
Cần		6,000 mm		8,500 mm
Các loại tay cần		2,980 mm	2,400 mm	6,400 mm
A. Tầm với đào tối đa		10,340 mm	9,900 mm	15,720 mm
B. Tầm với đào tối đa trên mặt đất		10,150 mm	9,715 mm	15,620 mm
C. Chiều sâu đào tối đa		6,925 mm	6,340 mm	11,720 mm
D. Chiều sâu đào tối đa, với mức cắt 2.44 m		6,675 mm	6,120 mm	11,620 mm
E. Chiều sâu đào sâu thẳng đứng tối đa		5,795 mm	5,445 mm	10,400 mm
F. Chiều cao cắt tối đa		9,940 mm	9,745 mm	14,410 mm
G. Chiều cao đổ tối đa		6,920 mm	6,695 mm	12,030 mm
H. Bán kính quay trước tối thiểu		3,695 mm	3,860 mm	4,300 mm
Lực đào của gầu (ISO)	Thông thường	165 kN	142 kN	89 kN
	Tăng công suất	179 kN	154 kN	-
Lực đào của tay cần (ISO)	Thông thường	124 kN	136 kN	62 kN
	Tăng công suất	134 kN	148 kN	-
Dung tích gầu		1.2 m³	1.4 m³	0.58 m³
Bán kính tính từ đỉnh gầu		1,540 mm	1,540 mm	1,250 mm

HƯỚNG DẪN LỰA CHỌN GẦU

Loại gầu	Dung tích	Chiều rộng cắt	Trọng lượng	Số răng	6,000 mm cần	8,500 mm cần
					2,980 mm tay cần	6,400 mm tay cần

Các đề xuất trên chỉ được đưa ra dưới dạng hướng dẫn, cần căn cứ vào các điều kiện cụ thể. Dung tích của gầu đào dựa theo tiêu chuẩn ISO 7451, góc nghỉ của vật liệu chất tải có tỷ lệ 1:1.

Tỷ trọng vật liệu tối đa:
A 1,000 - 1,200 kg/m³ : Đất thịt pha cát, mùn, đất trồng cây, mùn đá
B 1,200 - 1,500 kg/m³ : Đất xây dựng, xi măng đắp nền, sét đá, sỏi nhỏ tự nhiên
A,B 1,000-1,500 kg/m³ : Tham khảo mục A&B
C 1,600 - 2,000 kg/m³ : Đất xây dựng, xi măng đắp nền, sét đá
D 2,000 - 2,200 kg/m³ : Sỏi, đá cuội
E 2,200 - 2,500 kg/m³ : Vỉa than, đá phiến sét

TRỌNG LƯỢNG MÁY VÀ ÁP LỰC TRÊN MẶT ĐẤT

Bề rộng xích	Trọng lượng vận hành	Áp lực lên mặt đất	Chiều rộng tổng thể	Trọng lượng vận hành	Áp lực lên mặt đất	Chiều rộng tổng thể
	6,000 mm cần, 2,980 mm tay cần, 1.2 m³ gầu, 5,400 kg đối trọng			8,500 mm cần, 6,400 mm tay cần, 0.58 m³ gầu, 6,800 kg đối trọng		
600 mm	25,500 kg	50.5 kPa	3,190 mm	/	/	/
700 mm	25,800 kg	43.8 kPa	3,290 mm	/	/	/
800 mm	26,100 kg	38.8 kPa	3,390 mm	27,900 kg	41.4 kPa	3,390 mm
900 mm	26,400 kg	34.9 kPa	3,490 mm	28,200 kg	37.2 kPa	3,490 mm

925E với 600 mm xích, 2,980 mm tay cần

A: Độ với từ tâm quay toa
B: Độ cao móc gầu
C: Công suất nâng
Cf: Giới hạn nâng mặt trước
Cs: Giới hạn nâng hai bên

Điều kiện

Chiều dài cần: 6,000 mm
Chiều dài tay cần: 2,980 mm
Gầu: không có
Đối trọng: 5,000 kg
Xích: 600 mm lá xích
Đơn vị: kg

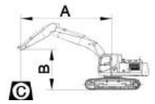

B (m)	A (Đơn vị: m) 3.0		4.5		6.0		7.5		Ở TẦM VỚI TỐI ĐA		
	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	A (m)
7.5									*5,340	*5,340	6.7
6.0					*6,710	*6,710	*6,440	5,170	*5,360	4,960	7.7
4.5					*7,610	7,110	*7,020	5,100	*4,950	4,270	8.4
3.0			*11,580	10,260	*8,870	6,790	7,190	4,950	*5,440	3,990	8.7
1.5			*13,940	9,650	9,750	6,500	7,020	4,800	*5,470	3,850	8.8
MẶT ĐẤT			15,090	9,350	9,520	6,290	6,890	4,690	5,700	3,920	8.6
-1.5	*13,360	*13,360	15,000	9,270	9,420	6,200	6,840	4,640	6,170	4,210	8.1
-3.0	*20,270	18,440	*14,380	9,340	9,450	6,230			7,160	4,850	7.3
-4.5	*16,920	*16,920	*12,280	9,560	*8,850	6,420			*8,850	6,420	6.0

925E với 600 mm xích, 2,400 mm tay cần

A: Độ với từ tâm quay toa
B: Độ cao móc gầu
C: Công suất nâng
Cf: Giới hạn nâng mặt trước
Cs: Giới hạn nâng hai bên

Điều kiện

Chiều dài cần: 6,000 mm
Chiều dài tay cần: 2,400 mm
Gầu: không có
Đối trọng: 5,000 kg
Xích: 600 mm lá xích
Đơn vị: kg

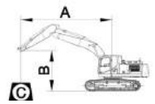

B (m)	A (Đơn vị: m) 3.0		4.5		6.0		7.5		Ở TẦM VỚI TỐI ĐA		
	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	A (m)
7.5					*7,530	7,250			*7,530	7,250	6.0
6.0					*7,480	7,240			*6,970	5,440	7.2
4.5			*10,020	*10,020	*8,310	7,020	7,290	5,060	6,710	4,660	7.9
3.0			*12,720	10,050	*9,500	6,730	7,160	4,940	6,270	4,340	8.2
1.5			*14,730	9,540	9,710	6,470	7,020	4,810	6,080	4,190	8.3
MẶT ĐẤT			15,090	9,360	9,530	6,310	6,930	4,720	6,230	4,280	8.1
-1.5	*12,680	*12,680	*15,030	9,350	9,480	6,260	6,920	4,720	6,800	4,640	7.6
-3.0	*18,640	*18,640	*13,790	9,480	9,570	6,340			8,190	5,520	6.7
-4.5			*10,900	9,780					9,170	7,980	5.2

925E với 700 mm xích, 2,980 mm tay cần

A: Độ với từ tâm quay toa
B: Độ cao móc gầu
C: Công suất nâng
Cf: Giới hạn nâng mặt trước
Cs: Giới hạn nâng hai bên

Điều kiện

Chiều dài cần: 6,000 mm
Chiều dài tay cần: 2,980 mm
Gầu: không có
Đối trọng: 5,000 kg
Xích: 700 mm lá xích
Đơn vị: kg

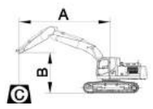

	A (Đơn vị: m)										
B (m)	3.0		4.5		6.0		7.5		Ở TẦM VỚI TỐI ĐA		
	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	A (m)
7.5									*5,340	*5,340	6.7
6.0					*6,710	*6,710	*6,440	5,260	*5,360	5,030	7.7
4.5					*7,610	7,210	*7,020	5,180	*4,950	4,350	8.4
3.0			*11,580	10,420	*8,870	6,900	7,300	5,030	*5,440	4,050	8.7
1.5			*13,940	9,810	9,900	6,600	7,130	4,880	*5,470	3,920	8.8
MẶT ĐẤT			*15,110	9,510	9,670	6,400	7,010	4,770	5,790	3,990	8.6
-1.5	*13,360	*13,360	*15,200	9,430	9,570	6,310	6,950	4,720	6,270	4,290	8.1
-3.0	*20,270	18,750	*14,380	9,500	9,600	6,340			7,270	4,940	7.3
-4.5	*16,920	*16,920	*12,280	9,720	*8,850	6,530			*8,850	6,530	6.0

925E với 700 mm xích, 2,400 mm tay cần

A: Độ với từ tâm quay toa
B: Độ cao móc gầu
C: Công suất nâng
Cf: Giới hạn nâng mặt trước
Cs: Giới hạn nâng hai bên

Điều kiện

Chiều dài cần: 6,000 mm
Chiều dài tay cần: 2,400 mm
Gầu: không có
Đối trọng: 5,000 kg
Xích: 700 mm lá xích
Đơn vị: kg

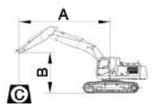

	A (Đơn vị: m)										
B (m)	3.0		4.5		6.0		7.5		Ở TẦM VỚI TỐI ĐA		
	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	A (m)
7.5					*7,530	7,360			*7,530	7,360	6.0
6.0					*7,480	7,350			*6,970	5,520	7.2
4.5			*10,020	*10,020	*8,310	7,130	7,400	5,140	*6,750	4,740	7.9
3.0			*12,720	10,210	*9,500	6,840	7,270	5,020	6,370	4,420	8.2
1.5			*14,730	9,700	9,870	6,580	7,130	4,890	6,180	4,270	8.3
MẶT ĐẤT			*15,330	9,520	9,680	6,420	7,040	4,800	6,340	4,360	8.1
-1.5	*12,680	*12,680	*15,030	9,520	9,630	6,370	7,030	4,800	6,910	4,720	7.6
-3.0	*18,640	*18,640	*13,790	9,640	9,720	6,450			8,320	5,620	6.7
-4.5			*10,900	9,940					*9,170	8,110	5.2

Thiết bị tiêu chuẩn và tùy chọn của LiuGong có thể khác nhau giữa các khu vực. Vui lòng tham khảo ý kiến từ đại lý LiuGong tại khu vực của bạn để biết thông tin chi tiết.

925E với 800 mm xích, 2,980 mm tay cần

A: Độ với từ tâm quay toa
B: Độ cao móc gầu
C: Công suất nâng
Cf: Giới hạn nâng mặt trước
Cs: Giới hạn nâng hai bên

Điều kiện

Chiều dài cần: 6,000 mm
Chiều dài tay cần: 2,980 mm
Gầu: không có
Đối trọng: 5,000 kg
Xích:800 mm lá xích
Đơn vị: kg

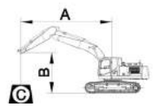

	A (Đơn vị: m)										
B (m)	3.0		4.5		6.0		7.5		Ở TẦM VỚI TỐI ĐA		
	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	A (m)
7.5									*5,340	*5,340	6.7
6.0					*6,710	*6,710	*6,440	5,340	*5,360	5,110	7.7
4.5					*7,610	7,320	*7,020	5,260	*4,950	4,420	8.4
3.0			*11,580	10,580	*8,870	7,010	7,410	5,120	*5,440	4,120	8.7
1.5			*13,940	9,970	10,060	6,710	7,240	4,970	*5,470	3,990	8.8
MẶT ĐẤT			*15,110	9,670	9,830	6,510	7,120	4,850	5,890	4,060	8.6
-1.5	*13,360	*13,360	*15,200	9,590	9,720	6,420	7,060	4,800	6,370	4,360	8.1
-3.0	*20,270	19,060	*14,380	9,660	9,750	6,440			7,390	5,020	7.3
-4.5	*16,920	*16,920	*12,280	9,880	*8,850	6,640			*8,850	6,640	6.0

925E với 800 mm xích, 2,400 mm tay cần

A: Độ với từ tâm quay toa
B: Độ cao móc gầu
C: Công suất nâng
Cf: Giới hạn nâng mặt trước
Cs: Giới hạn nâng hai bên

Điều kiện

Chiều dài cần: 6,000 mm
Chiều dài tay cần: 2,400 mm
Gầu: không có
Đối trọng: 5,000 kg
Xích: 800 mm lá xích
Đơn vị: kg

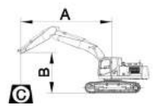

	A (Đơn vị: m)										
B (m)	3.0		4.5		6.0		7.5		Ở TẦM VỚI TỐI ĐA		
	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	A (m)
7.5					*7,530	7,470			*7,530	7,470	6.0
6.0					*7,480	7,460			*6,970	5,610	7.2
4.5			*10,020	*10,020	*8,310	7,240	7,520	5,220	*6,750	4,820	7.9
3.0			*12,720	10,370	*9,500	6,950	7,380	5,100	6,470	4,490	8.2
1.5			*14,730	9,860	10,020	6,690	7,250	4,970	6,270	4,340	8.3
MẶT ĐẤT			*15,360	9,680	9,840	6,530	7,150	4,890	6,440	4,430	8.1
-1.5	*12,680	*12,680	*15,030	9,680	9,790	6,480	7,140	4,880	7,020	4,800	7.6
-3.0	*18,640	*18,640	*13,790	9,800	9,870	6,560			8,450	5,710	6.7
-4.5			*10,900	10,100					*9,170	8,250	5.2

Thiết bị tiêu chuẩn và tùy chọn của LiuGong có thể khác nhau giữa các khu vực. Vui lòng tham khảo ý kiến từ đại lý LiuGong tại khu vực của bạn để biết thông tin chi tiết.

925E với 900 mm xích, 2,980 mm tay cần

A: Độ với từ tâm quay toa
B: Độ cao móc gầu
C: Công suất nâng
Cf: Giới hạn nâng mặt trước
Cs: Giới hạn nâng hai bên

Điều kiện

Chiều dài cần: 6,000 mm
Chiều dài tay cần: 2,980 mm
Gầu: không có
Đối trọng: 5,000 kg
Xích: 900 mm lá xích
Đơn vị: kg

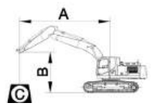

A (Đơn vị: m)

B (m)	3.0		4.5		6.0		7.5		Ở TẦM VỚI TỐI ĐA		
	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	A (m)
7.5									*5,340	*5,340	6.7
6.0					*6,710	*6,710	*6,440	5,420	*5,360	5,190	7.7
4.5					*7,610	7,430	*7,020	5,340	*4,950	4,490	8.4
3.0			*11,580	10,740	*8,870	7,120	7,520	5,200	*5,440	4,190	8.7
1.5			*13,940	10,130	*10,120	6,820	7,360	5,050	*5,470	4,050	8.8
MẶT ĐẤT			*15,110	9,830	9,980	6,620	7,230	4,930	5,980	4,130	8.6
-1.5	*13,360	*13,360	*15,200	9,750	9,880	6,530	7,180	4,880	6,470	4,440	8.1
-3.0	*20,270	19,370	*14,380	9,820	9,910	6,550			7,510	5,110	7.3
-4.5	*16,920	*16,920	*12,280	10,040	*8,850	6,750			*8,850	6,750	6.0

925E với 900 mm xích, 2,400 mm tay cần

A: Độ với từ tâm quay toa
B: Độ cao móc gầu
C: Công suất nâng
Cf: Giới hạn nâng mặt trước
Cs: Giới hạn nâng hai bên

Điều kiện

Chiều dài cần: 6,000 mm
Chiều dài tay cần: 2,400 mm
Gầu: không có
Đối trọng: 5,000 kg
Xích: 900 mm lá xích
Đơn vị: kg

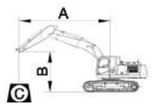

A (Đơn vị: m)

B (m)	3.0		4.5		6.0		7.5		Ở TẦM VỚI TỐI ĐA		
	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	Cf	Cs	A (m)
7.5					*7,530	*7,530			*7,530	*7,530	6.0
6.0					*7,480	*7,480			*6,970	5,700	7.2
4.5			*10,020	*10,020	*8,310	7,350	*7,600	5,300	*6,750	4,900	7.9
3.0			*12,720	10,530	*9,500	7,060	7,500	5,180	6,570	4,560	8.2
1.5			*14,730	10,020	10,170	6,800	7,360	5,060	6,370	4,410	8.3
MẶT ĐẤT			*15,360	9,840	9,990	6,640	7,260	4,970	6,540	4,510	8.1
-1.5	*12,680	*12,680	*15,030	9,840	9,940	6,590	7,260	4,960	7,130	4,880	7.6
-3.0	*18,640	*18,640	*13,790	9,960	10,030	6,670			8,580	5,810	6.7
-4.5			*10,900	10,260					*9,170	8,380	5.2

Thiết bị tiêu chuẩn và tùy chọn của LiuGong có thể khác nhau giữa các khu vực. Vui lòng tham khảo ý kiến từ đại lý LiuGong tại khu vực của bạn để biết thông tin chi tiết.

THIẾT BỊ TIÊU CHUẨN

HỆ THỐNG ĐỘNG CƠ
- Động cơ diesel Cummins B5.9-C, EPA Tier 2/EU Stage II, turbo tăng áp, 6 xi lanh, 4 kỳ, làm mát bằng nước
- Điều khiển tốc độ tự động chạy không tải
- Bộ lọc không khí với cụm làm sạch sơ bộ
- Lọc dầu động cơ
- Lọc sơ bộ với bộ tách nước
- Kiểu nạp khí, Turbo tăng áp (WGT)
- Bộ tản nhiệt, bộ làm mát dầu và bộ làm mát không khí nạp; quạt làm mát truyền động trực tiếp
- Hệ thống IPC (Điều khiển công suất thông minh)
- Hệ thống bảo vệ quá nhiệt động cơ

HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG
- Mô tơ thủy lực, piston hai bánh răng và hộp số
- Hệ thống di chuyển 2 tốc độ với chức năng sang số tự động

HỆ THỐNG QUAY TOA
- Động cơ quay piston mô men xoắn cao với bộ lò xo tích hợp và phanh nhả thủy lực tự động.

HỆ THỐNG THỦY LỰC
- Bơm chính: hai bơm piston có dung tích thay đổi, sẵn sàng cho bộ trích công suất (PTO)
- Bơm điều khiển lái: bánh răng
- Hệ thống xi lanh: cần, tay cần, gầu
- Chức năng tăng cường công suất
- Điều khiển phục hồi trạng thái cần và tay cần
- Bộ lọc dầu điều khiển lái
- Van giữ tải
- Cần gạt điều khiển lái
- 6 chế độ làm việc tùy chọn: Mạnh mẽ, Tiết kiệm, Chính xác, Nâng, Búa, Phụ kiện

THIẾT BỊ ĐÀO
- 6,000 mm cần
- 2,980 mm tay cần
- 1.2 m³ (SAE, chất đống) gầu

MÔI TRƯỜNG VẬN HÀNH
- Cabin điều áp, kín, có khả năng quan sát xung quanh, cửa sổ trời lớn với tấm che nắng trượt, cần gạt nước cửa sổ phía trước và cửa sổ bên dưới có thể tháo rời
- Điều hòa, máy sưởi, hệ thống làm tan sương mù
- Ghế treo cơ khí
- Đài AM/FM
- Búa phá kính
- Bật lửa
- Khay giữ cốc
- Thảm trải sàn
- Hộc đựng đồ
- Bình cứu hỏa
- Một chìa khóa cho tất cả các ổ

THIẾT BỊ ĐO LƯỜNG
- Màn hình màu LCD có báo động, thay lọc/dung dịch, mức nhiên liệu, nhiệt độ nước, chế độ làm việc, mã lỗi, giờ làm việc, v.v.
- Đồng hồ báo nhiêu liệu
- Đồng hồ đo mức dầu thủy lực

HỆ THỐNG ĐIỆN
- Máy phát 70 A
- 2 ắc quy 2 x 12 V
- Đèn công tác, 1 đèn gắn khung, 2 đèn gắn trên cần
- Đèn hiệu xoay
- Khởi động, 24 V

KHUNG GẦM
- 600 mm (24'') guốc xích, lá xích
- Các con lăn, phía dưới mỗi bên 9, phía trên mỗi bên 2
- 2 kết cấu bảo vệ đường ray (mỗi bên)
- Móc kéo

HỆ THỐNG BẢO VỆ
- Bảo vệ thân xe
- Tấm ốp dưới khung di chuyển

THIẾT BỊ TIÊU CHUẨN KHÁC
- Đối trọng 5,000kg
- Bộ dụng cụ bảo trì
- Gói linh kiện bảo dưỡng

THIẾT BỊ TÙY CHỌN

HỆ THỐNG ĐỘNG CƠ
- Bơm nạp nhiên liệu điện

HỆ THỐNG THỦY LỰC
- Đường ống xoay các phụ kiện thủy lực
- Cảnh báo quá tải
- Các van an toàn chống nổ ống mềm, bảo vệ nguồn cung cho cần và tay cần không bị ngắt khi đường ống bị tách
- Đường ống phụ trợ 2 chiều
- Khớp nối nhanh (áp suất thấp và áp suất cao

MÔI TRƯỜNG VẬN HÀNH
- Bảo vệ người vận hành (bao gồm bảo vệ phía trước và trên cabin, các thanh bảo vệ)
- Màn hình bảo vệ vận hành (trên mặt trước cabin, lưới)
- Màn hình bảo vệ vận hành (trước - dưới)
- Hệ thống bảo vệ chống lật (ROPS)
- Tấm che mưa
- Ghế treo cơ khí
- Ghế treo khí nén

CẤU TRÚC TRÊN
- Bảo vệ khung phía trên (dây)
- Sàn có độ dày 8 mm
- Bảo vệ xi lanh gầu

KHUNG GẦM
- 700 mm, 800 mm, 900 mm guốc xich, lá xích
- 3 kết cấu bảo vệ đường ray (mỗi bên)

THIẾT BỊ ĐÀO
- Cần: tầm với 8,500 mm
- Tay cần: 2,400 mm, tầm với 6,400 m,
- Gầu: 0.58/1.1/1.3/1.4 m³
- Búa thủy lực (LiuGong & Soosan)
- Khớp nối nhanh thủy lực

HỆ THỐNG ĐIỆN
- Hệ thống đèn LED công tác của cabin, 4 trước, 2 sau
- Camera quan sát phía sau
- Báo động
- Đèn hiệu xoay
- 4 đèn làm việc cho cần
- Đèn làm việc, 2 đèn gắn cabin

TÙY CHỌN BỔ SUNG
- Bơm tiếp nhiên liệu
- Làm sạch bồn dầu sơ bộ
- 3 tấm bảo vệ ray (mỗi bên)
- Đối trọng 6,800 kg
- Ray hẹp

LIUGONG

TOUGH WORLD. TOUGH EQUIPMENT.

Công ty TNHH LiuGong Machinery Việt Nam
Tầng 15, Toà nhà Center Building, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng,
Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam
T: +84 933 300 528 E: lgvn@liugong.com
https://apac.liugong.com/vi/

Facebook & Website:

Các logo của LiuGong sau đây, bao gồm nhưng không giới hạn ở logo tên công ty, nhãn hiệu thiết bị, logo bằng ký tự và logo kết hợp, các nhãn hiệu đã đăng ký của Guangxi LiuGong Group Co., Ltd. được sử dụng bởi Guangxi LiuGong Machinery Co., Ltd. với sự cho phép của pháp luật, và sẽ không được sử dụng nếu không có sự cho phép. Thông số kỹ thuật và thiết kế có thể thay đổi mà không cần báo trước. Minh họa và hình ảnh có thể bao gồm thiết bị tùy chọn và không bao gồm tất cả thiết bị tiêu chuẩn. Thiết bị và các tùy chọn thay đổi tùy theo tình trạng sẵn có của khu vực.